TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGUYÊN BÌNH** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 33/2024/HS-ST
Ngày: 27-9-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGUYÊN BÌNH, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Mã Nguyệt Thu.

C*ác Hội thẩm nhân dân*: Bà Lê Thị Minh Thu.

Bà Hoàng Thị Lê .

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Đặng Thị Huê - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà:*** Bà Nông Thị Bích Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng, Tòa án nhân dân huyện Nguyên Bình xét xử sơ thẩm trực tuyến công khai tại điểm cầu trung tâm: Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng; điểm cầu thành phần: Nhà tạm giữ Công an huyện N, tỉnh Cao Bằng vụ án hình sự thụ lý số: 28/2024/TLST-HS ngày 06 tháng 9 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2024/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 9 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Chu Đình C**, tên gọi khác: Không. Sinh ngày 10 tháng 3 năm 1970, tại huyện N, tỉnh Cao Bằng. Nơi đăng ký thường trú: Xóm Đ, xã M, huyện N, tỉnh Cao Bằng. Nghề nghiệp: Làm ruộng. Trình độ học vấn: 12/12. Dân tộc: Tày. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Chu Viết N, sinh năm 1938 và bà Đinh Thị T (đã chết). Có vợ tên Hoàng Thị H, sinh năm 1978 (đã ly hôn); có 02 con, con lớn sinh năm 1995 và con nhỏ sinh năm 1998. Bị cáo có 04 anh, chị em, bị cáo là con thứ tư. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện N, tỉnh Cao Bằng từ ngày 02-5-2024 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Bà Ma Thị L - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C. Có mặt.

- *Bị hại:* Bà Trương Thị B, sinh năm 1971, trú tại: Xóm B, xã M, huyện N, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt (uỷ quyền cho bà Nông Thị T1 theo giấy uỷ quyền ngày 13-3-2024).

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Bà Nông Thị T1, sinh năm 1993, trú tại: Xóm B, xã M, huyện N, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông Chu Viết T2, sinh năm 1964, trú tại: Xóm Đ, xã M, huyện N, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt (có đơn xin vắng mặt tại phiên toà).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ, ngày 06-02-2024, tại đường T thuộc địa phận xóm Đ, xã M, huyện N, tỉnh Cao Bằng sảy ra tai nạn giữa xe mô tô mang BKS 11F8-9079 do bà Trương Thị B, sinh 1971, trú tại xóm B, xã M, huyện N, tỉnh Cao Bằng điều khiển theo hướng từ xã H, huyện H, tỉnh Cao Bằng đến Ủy ban nhân dân xã M, huyện N, tỉnh Cao Bằng và xe mô tô mang BKS 11H1-4583 do ông Chu Đình C, sinh năm 1970, trú tại xóm Đ, xã M, huyện N, tỉnh Cao Bằng điều khiển theo chiều ngược lại.

Hiện trường xảy ra vụ tai nạn là đoạn đường thẳng, được trải bê tông bằng phẳng, không có vạch kẻ đường ở giữa, có chiều rộng 3,4m, lề trái 01m, lề phải 1,04m. Hướng khám nghiệm từ Ủy ban nhân dân xã M đến xóm B, xã M, huyện N, tỉnh Cao Bằng, mốc (ký hiệu là M): cột điện có dòng chữ: điện lực N1; mép chuẩn: mép bên phải.

+ Vị trí số 01: Vết cày không liên tục trên mặt đường có kích thước: 0,40m x 0.30m, tâm cách mép chuẩn 1,40m, cách (M): 10m.

+ Vị trí số 02: Vết cày trên mặt đường có KT: 0,005x0,05m, tâm cách mép chuẩn 0,75m, cách (M): 9,75m; vị trí số 02 cách vị trí số 01: 0,95m.

+ Vị trí số 03: Vết cày trên mặt đường nằm dưới chân nhẫm trước bên trái xe mô tô BKS 11H1-4583 có KT: 0,08 x 0,001m, cách mép chuẩn: 1,40m, cách (M): 10,75m; vị trí số 02 cách vị trí số 03: 1,60m.

+ Vị trí số 04: Xe mô tô BKS 11F8-9079 nằm đổ nghiêng bên trái, bên phải ngửa lên trời, đầu xe quay ra hướng Đông Bắc, đuôi xe quay hướng T, trục trước cách mép chuẩn 1,85m, trục sau cách mép chuẩn: 01m, trục trước vị trí số 03 đến xe: 0,75m, trục sau đến vị trí số 03: 1,50m.

+ Vị trí số 05: Xe mô tô BKS 11H1-4583 nằm đổ nghiêng bên trái, bên phải ngửa lên trời, đầu xe quay hướng Đông Bắc, đuôi xe quay hướng Tây Nam, trục trước cách mép chuẩn: 1,50m, trục sau cách mép chuẩn: 0,95m, trục trước xe mô tô BKS 11F8-9079 cách trục trước xe mô tô BKS 11H1-4583: 1,4m, trục sau cách trục sau: 1,2m, cách (M): 11,4m.

+ Vị trí số 06: đám chất màu nâu đỏ trên mặt đường, tâm cách mép chuẩn: 2,85m, KT: 0,58m x 0,40m. cách (M): 8,80m, cách trục trước vị trí số 05: 2,40m, cách trục sau: 2,30m.

+ Vị trí số 07: các mảnh nhựa vỡ trên mặt đường, KT: 02 x 2,10m, tâm vị trí số 07 cách mép chuẩn: 3,17m, cách (M): 9,70m, cách vị trí số 06: 01m.

Cùng ngày Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành đo nồng độ cồn trong hơi thở đối với Chu Đình C, kết quả đo được là 1,272mg/lít khi thở.

- Tiến hành khám nghiệm xe mô tô BKS: 11F8-9079, nhãn hiệu HONDA, màu xanh đen, loại Wave Alpha, xe đã qua sử dụng (do Trương Thị B điều khiển) ghi nhận: Phần mặt nạ trước bị vỡ kích thước 10cm x 01cm. Tại phần mặt sau gương trái có bám dính đất, chất màu nâu sẫm có kích thước 08 x 07cm. Phần gương bị vỡ hoàn toàn. Tại phần đầu tay nắm bên trái có vết mài xước bám dính bụi màu trắng, có kích thước 01 x 10cm. Yếm bên trái bị vỡ rời khỏi vị trí ban đầu, kích thước 20 x 12cm. Chắn bùn phía trước bị vỡ, bật rời khỏi vị trị. Bánh trước bị xịt lốp, vành bánh trước bị cong vênh, biến dạng từ ngoài vào trong. Tại phần đầu chân nhẫm bên trái có vết mài xước, bám bụi màu trắng có kích thước 01 x 01cm. Tại phần đầu cần số phía trước bên trái có vết mài xước kích thước 01 x 01cm. Trục xe bị lệch sang phải. Hệ thống đèn, phanh hoạt động bình thường.

Tiến hành khám nghiệm xe mô tô BKS 11H1-4583 (do Chu Đình C điều khiển) ghi nhận các dấu vết: tại phần mặt nạ trước, hai bên cánh yếm bị vỡ rụng rời khỏi vị trí ban đầu. Cụm đèn pha, đèn xi nhan hai bên bị vỡ rụng rời khỏi vị trí ban đầu. Chắn bùn trước bị vỡ kích thước 27 x 03cm. Lốp trước bị xịt không còn hơi. Vành bánh trước bị cong vênh biến dạng, bật nan hoa. Ốp máy bên phải bị thủng, vỡ kích thước 06 x 07cm. Tại phần đầu chân nhẫm trái có vết mài xước, bám bụi kích thước 01 x 01cm. Tại phần đầu cần số phía trước bên trái có vết mài xước, bám bụi kích thước 01 x 0,5cm. Do xe bị hư hỏng nên hệ thống đèn, còi, phanh không hoạt động.

Ngày 29-3-2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện đã gửi Quyết định trưng cầu giám định số 77/QĐ-TCGĐ đến Trung tâm Pháp y tỉnh C giám định tỷ lệ phần trăm thương tích của các vết thương do tai nạn giao thông gây ra đối với bà Trương Thị B. Tại Bản Kết luận giám định số 051/KLTTCT-TTPY

ngày 03-4-2024 của Trung tâm pháp y tỉnh C kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của bà Trương Thị B là 89%.

Qua điều tra xác định như sau: Chu Đình C không có giấy phép lái xe. Chiều ngày 06-02-2024, sau khi uống rượu, C đến nhà anh trai là Chu Viết T2 tại xóm Đ, xã M, huyện N, tỉnh Cao Bằng. C thấy xe mô tô mang BKS 11H1-4583 của ông T2 để ở sân nhà, chìa khóa cắm tại ổ khóa xe nên tự ý điều khiển xe đi tìm mua rượu. Khi đến xóm Đ, xã M, huyện N, tỉnh Cao Bằng, do đã sử dụng rượu, không làm chủ được phương tiện nên lấn sang làn đường ngược chiều dẫn đến va chạm với xe mô tô BKS 11F8-9079 do bà Trương Thị B điều khiển đi ngược chiều.

Tại cơ quan điều tra, Chu Đình C thành khẩn khai báo, lời khai của C phù hợp với lời khai bị hại và các tài liệu cơ quan điều tra đã thu thập được.

Với hành vi nêu trên, Cáo trạng số 30/CT-VKSNB ngày 04-9-2024 của Viện kiểm sát nhân huyện N truy tố bị cáo Chu Đình C về tội "*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*" theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 260 của Bộ luật hình sự. Tại phiên toà, sau khi đánh giá nguyên nhân, mức độ hành vi, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nguyên Bình giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị:

- Về tội danh: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Chu Đình C phạm tội "*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*".

- Về hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 260; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Chu Đình C từ 04 năm đến 05 năm tù.

- Về vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự để xử lý vật chứng: Trả lại cho bà Trương Thị B: 01 xe mô tô đã qua sử dụng, nhãn hiệu Honda Wave α màu xanh lục den, mang BKS 11F8 - 9079, số khung: RLHHC0901YY315527, số máy: HC09E5415621, hiện tại xe bị hư hỏng nặng do bị va chạm giao thông; 01 giấy phép lái xe hạng A1 số 041079000205 mang tên Trương Thị B; 01 đăng ký xe mô tô số 004846, biển kiểm soát 11F8-9079, mang tên Trương Thị B, do công an tỉnh C ngày 14/11/2007. Trả lại cho ông Chu Viết T2: 01 xe mô tô đã qua sử dụng, nhãn hiệu "HON.DAY", màu đen xám, mang BKS 11H1-4583, số khung: RN8 DCCNN88B455211, số máy: VZS152FMH455211, hiện tại xe bị hư hỏng nặng do bị va chạm giao thông; 01 đăng ký xe mô tô số 002176, biển kiểm soát 11H1-4583 mang tên Cam Văn H1, do công an huyện H, tỉnh Cao Bằng cấp ngày 01/7/2010.

- Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự thoả thuận của người đại diện hợp pháp của bị hại và bị cáo về việc bồi thường thiệt hại do tại nạn gây ra số tiền 50.000.000đ.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy đinh của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, không có ý kiến tranh luận đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo: Người bào chữa nhất trí với quan điểm của Viện kiểm sát về tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo, nhất trí với bản luận tội của Viện kiểm sát về đánh giá nhân thân, nguyên nhân phạm tội. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến những vấn đề sau: Sau khi gây ra tai nạn, bị cáo đã có thái độ thành khẩn khai báo, đã nhận thức được hành vi của mình là sai và ăn năn hối hận. Bị cáo có ý thức trách nhiệm bồi thường cho bị hại nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên chưa có điều kiện để bồi thường. Bị cáo là dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, nhận thức pháp luật còn hạn chế. Bị cáo có bố đẻ được Nhà nước tặng thưởng Huân chương. Tại phiên toà, đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo quy định tại điển s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự quyết định mức hình phạt thấp hơn mức đề nghị của Viện kiểm sát. Về vật chứng, khi bị cáo lấy xe của ông T2 đi, ông T2 không biết nên đề nghị trả lại xe cho ông T2. Về án phí, đề nghị miễn án phí cho bị cáo.

Ý kiến của đại diện hợp pháp của bị hại: Sau khi bị tai nạn, sức khoẻ của bà B chưa được hồi phục, hiện nay vẫn còn yếu, không lao động được. Yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại về sức khoẻ, tiền chữa trị, mất thu nhập, bồi thường tổn thất tinh thần cho bà B với tổng số tiền là 50.000.000đ. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo cũng như những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên toà vắng mặt bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tuy nhiên đã có đơn xin vắng mặt tại phiên toà. Như vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử là phù hợp với quy định tại Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi phạm tội và tình tiết định khung:

Tại phiên tòa, bị cáo Chu Đình C thành khẩn khai báo, thừa nhận toàn bộ hành vi của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ căn cứ để kết luận: Khoảng 18 giờ, ngày 06-02-2024, Chu Đình C điều khiển xe mô tô nhãn hiệu HON.DAY, biển kiểm soát 11H1-4583 đi đến km 201 thuộc xóm Đ, xã M, huyện N đã lấn sang phần đường ngược chiều dẫn đến va chạm với xe mô tô biển kiểm soát 11F8-9079 do bà Trương Thị B điều khiển. Hậu quả, bà B bị thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 89%. Tại thời điểm gây tai nạn, Chu Đình C không có giấp phép lái xe, không đủ điều kiện của người lái xe tham gia giao thông theo quy định tại khoản 1 Điều 58 của Luật giao thông đường bộ. Đồng thời, nồng độ cồn trong cơ thể là 1,272mg/lít khí thở vi phạm khoản 8 Điều 8, có hành vi "*giành đường*" vi phạm khoản 11 Điều 8 của Luật giao thông đường bộ. Do đó, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*" quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 260 của Bộ luật hình sự.

" Điều 260. Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ

1. Người nào tham gia giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

a) Không có giấy phép lái xe theo quy định;

b) Trong tình trạng có sử dụng rượu, bia mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá mức quy định hoặc có sử dụng chất ma túy hoặc các chất kích thích mạnh khác mà pháp luật cấm sử dụng;

...".

[3] Đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến trật tự, an toàn, giao thông công cộng mà còn gây thiệt hại đến sức khoẻ, tài sản của người khác. Vì vậy, cần xử phạt nghiêm minh tương xứng với hành vi phạm tội để nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và quyết định hình phạt:

Nhân thân: Bị cáo sinh sống ở nơi điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, tuy nhiên bị cáo được học hết lớp 12/12, là người có hiểu biết, bị cáo nhận thức được việc điều khiển xe tham gia giao thông khi chưa có giấy phép lái xe là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện. Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự nhưng thường xuyên uống rượu say, đi lang thang, không có nghề nghiệp ổn định.

Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Tại phiên toà, người đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo có bố đẻ được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến hạng Nhì. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Tình tiết tăng nặng: Không.

Quyết định hình phạt: Căn cứ tính chất mức độ hành vi, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét thấy, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo có điều kiện cải tạo, tu dưỡng, rèn luyện trở thành công dân lương thiện, có ích cho xã hội.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên toà, người đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 50.000.000đ. Bị cáo đồng ý bồi thường số tiền 50.000.000đ do đó cần xem xét chấp nhận sự thoả thuận của các bên về trách nhiệm bồi thường thiệt hại.

[6] Các vấn đề khác: Đối với ông Chu Viết T2 là chủ sở hữu hợp pháp của xe mô tô biển kiểm soát 11H1-4583. Tuy nhiên, bị cáo tự ý lấy xe đi và gây tại

nạn, ông T2 không biết, ông T2 cũng không giao xe cho bị cáo sử dụng nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N không xử lý trách nhiệm hình sự đối với ông T2 về tội "*giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện giao thông đường bộ*" nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự, khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng xử lý vật chứng vụ án như sau:

- Đối với 01 xe mô tô đã qua sử dụng, nhãn hiệu Honda Wave α màu xanh lục den, mang BKS 11F8-9079, số khung: RLHHC0901YY315527, số máy: HC09E5415621, hiện tại xe bị hư hỏng nặng do bị va chạm giao thông; 01 giấy phép lái xe hạng A1 số 041079000205 mang tên Trương Thị B; 01 đăng ký xe mô tô số 004846, biển kiểm soát 11F8-9079, mang tên Trương Thị B, do công an tỉnh C ngày 14/11/2007 là tài sản và giấy tờ hợp pháp của bà Trương Thị B nên cần trả lại cho bà B.

- Đối với 01 xe mô tô đã qua sử dụng, nhãn hiệu "HON.DAY", màu đen xám, mang BKS 11H1-4583, số khung: RN8 DCCNN88B455211, số máy: VZS152FMH455211, Hiện tại xe bị hư hỏng nặng do bị va chạm giao thông và 01 đăng ký xe mô tô số 002176, biển kiểm soát 11H1-4583 mang tên Cam Văn H1, do công an huyện H, tỉnh Cao Bằng cấp ngày 01/7/2010 là tài sản và giấy tờ hợp pháp của ông Chu Viết T2 nên cần trả lại cho ông T2.

Các vật chứng trên đang tạm giữ tại kho của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 32 ngày 05-9-2024.

[8] Về án phí: Bị cáo là đồng bào dân tộc thiểu số ở xã điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn nộp tiền án phí. Do đó, cần xem xét cho bị cáo được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, xử lý vật chứng là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần được chấp nhận. Về mức hình phạt, tại phiên toà đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bố đẻ của bị cáo được Nhà nước tặng thưởng Huân chương nhưng đại diện Viện kiểm sát chưa xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trên và đề nghị mức hình phạt quá cao nên Hội đồng xét xử không áp dụng.

[10] Xét đề nghị của người bào chữa cho bị cáo là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

Căn cứ Điều 260 của Bộ luật hình sự tuyên bố bị cáo Chu Đình C phạm tội ***"Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ"***.

Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 260; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Chu Đình C 03 năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày tạm giam, ngày 02-5-2024.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Trả lại cho bà Trương Thị B:

+ 01 xe mô tô đã qua sử dụng, nhãn hiệu Honda Wave α màu xanh lục den, mang BKS 11F8 - 9079, số khung: RLHHC0901YY315527, số máy: HC09E5415621, hiện tại xe bị hư hỏng nặng do bị va chạm giao thông;

+ 01 giấy phép lái xe hạng A1 số 041079000205 mang tên Trương Thị B;

+ 01 đăng ký xe mô tô số 004846, biển kiểm soát 11F8-9079, mang tên Trương Thị B, do công an tỉnh C ngày 14/11/2007.

- Trả lại cho ông Chu Viết T2:

+ 01 xe mô tô đã qua sử dụng, nhãn hiệu "HON.DAY", màu đen xám, mang BKS 11H1-4583, số khung: RN8 DCCNN88B455211, số máy: VZS152FMH455211, hiện tại xe bị hư hỏng nặng do bị va chạm giao thông;

+ 01 đăng ký xe mô tô số 002176, biển kiểm soát 11H1-4583 mang tên Cam Văn H1, do công an huyện H, tỉnh Cao Bằng cấp ngày 01/7/2010.

Các vật chứng trên đang tạm giữ tại kho của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 32 ngày 05-9-2024.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ Luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 590 Điều 468 của Bộ luật dân sự, buộc bị cáo Chu Đình C phải phải bồi thường cho bị hại Trương Thị B tổng số tiền 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*).

Kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật, bị hại có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo chậm trả số tiền trên thì bị cáo còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 , 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn án phí hình sự và dân sự sơ thẩm cho bị cáo Chu Đình C.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo có quyền kháng cáo bản án, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo bản án, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Minh Thu **Hoàng Thị Lê**

Mã Nguyệt Thu

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- VKSND huyện;
- Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Bị cáo; Bị hại; Người liên quan;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- UBND xã Minh Tâm;
- Lưu HS;
- Lưu AV.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa

Mã Nguyệt Thu